FireAnt

CTCP Đầu tư phát triển Sài Gòn 3 Group (UPCOM: SGI)

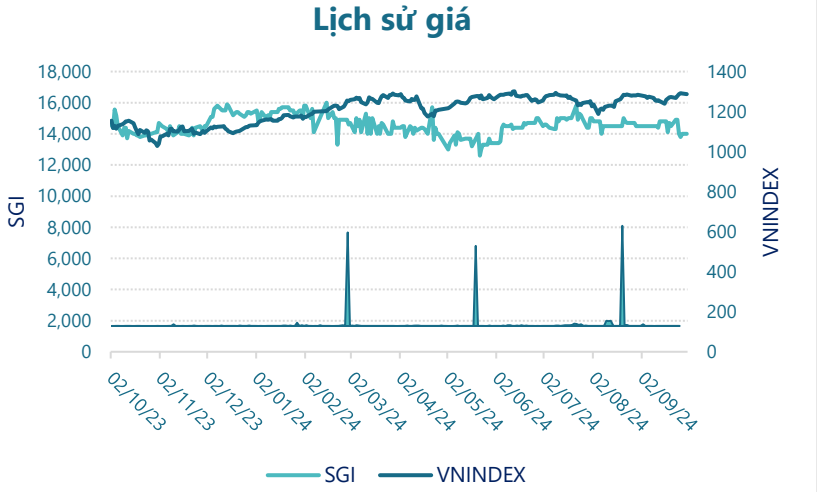

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,600
SL cổ phiếu LH	75,464,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	830
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,057
P/E	51.6
EPS	271

DT thuần

Q3/24

367

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.0| 19.2%

YoY: ▲ 6.00| 1.7%

LN sau thuế

Q3/24

23.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.7| 290%

YoY: ▼12.8| -34.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

13.0%

+/- YoY: ▼ 7.1%

DT thuần

9T 2024

968

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0| 2.8%

LN sau thuế

9T 2024

-25.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼147| -121%

ROE

Q3/24

0.7%

+/- YoY: ▼ 2.7%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

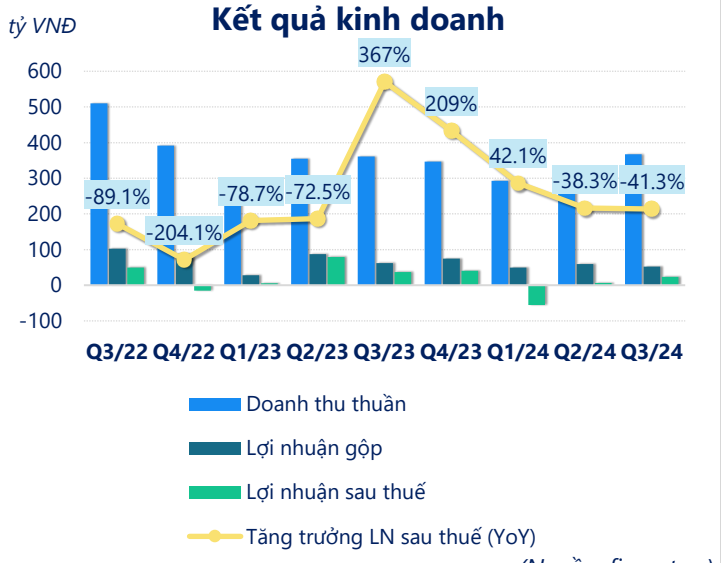

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

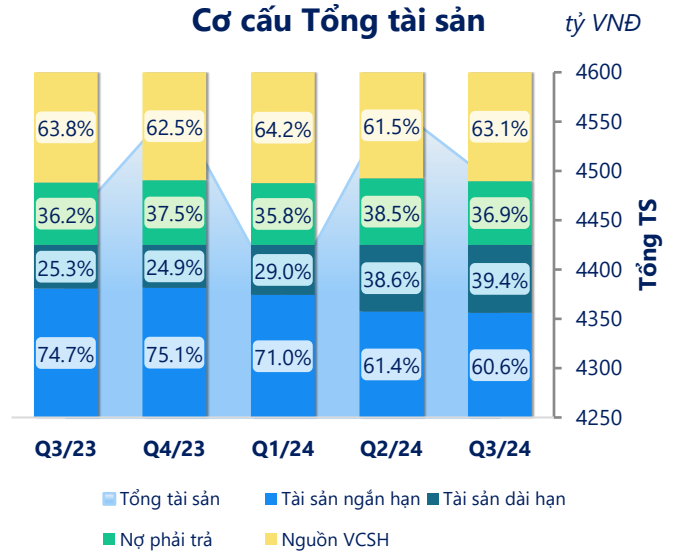

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

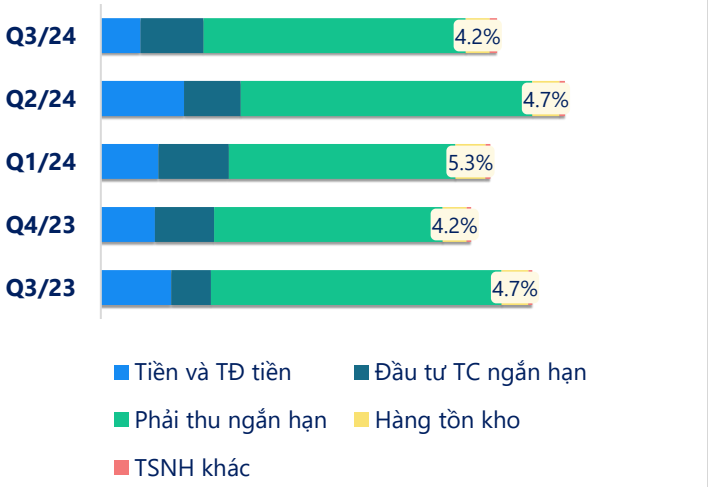

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

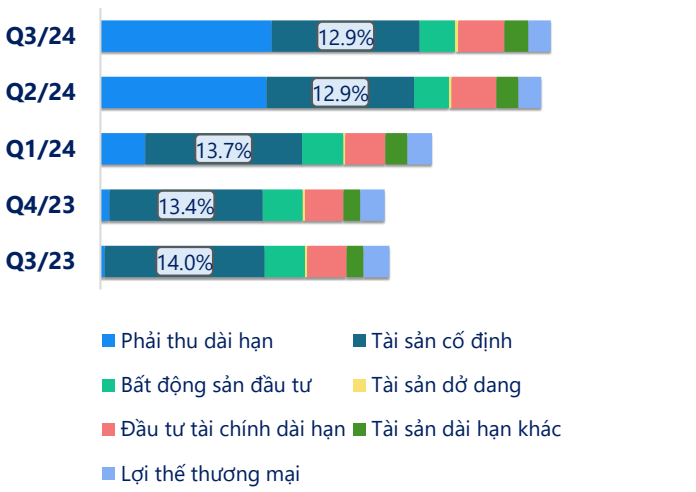

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

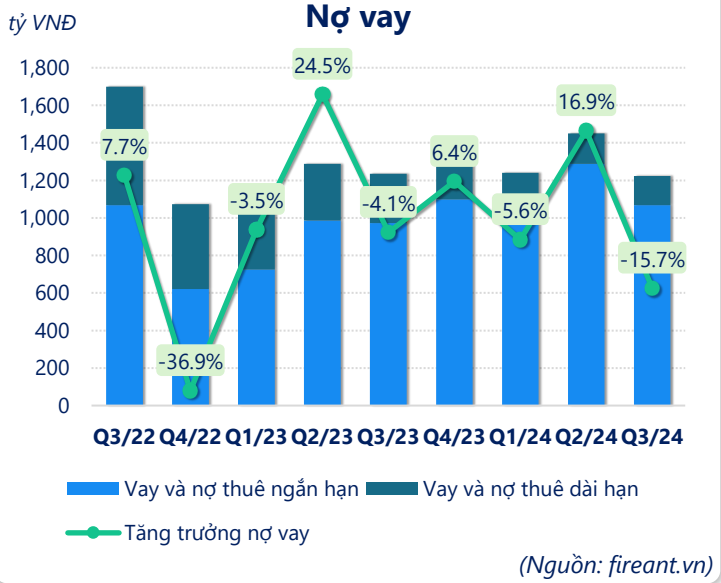

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

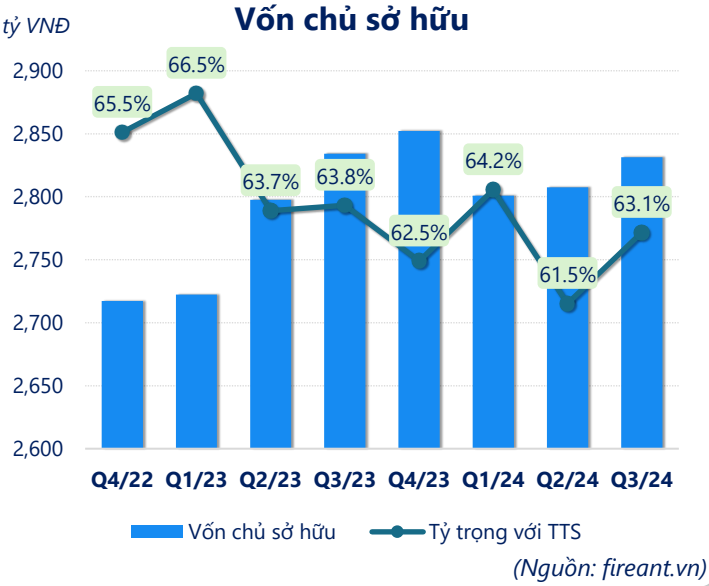

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

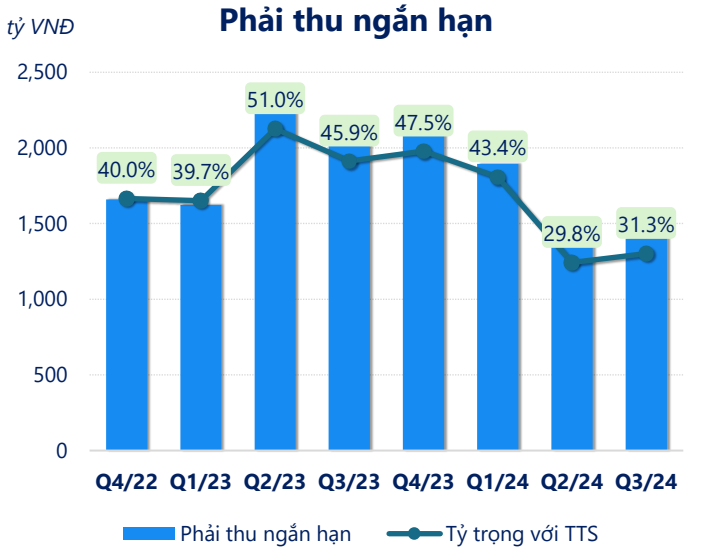

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

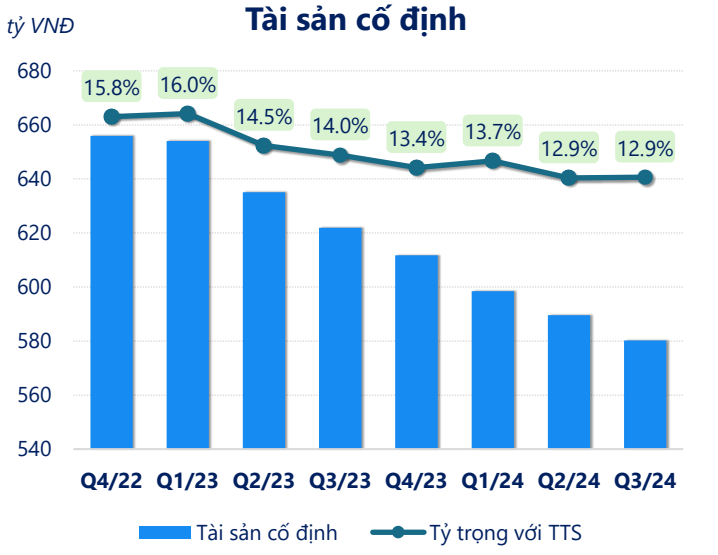

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

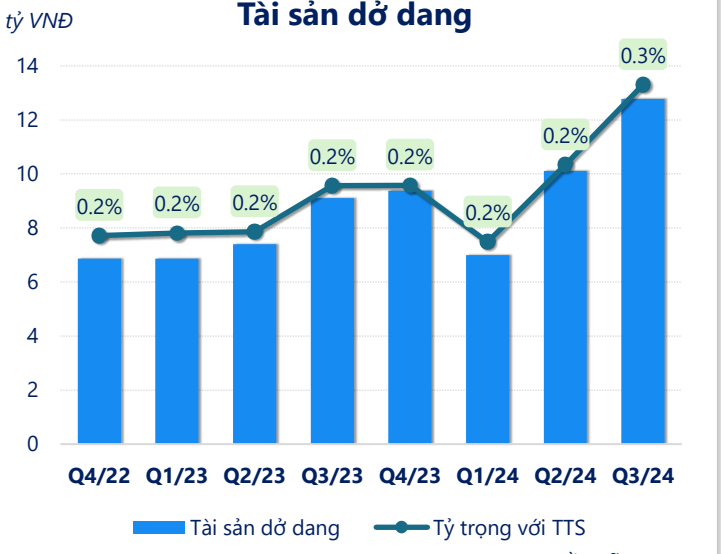

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

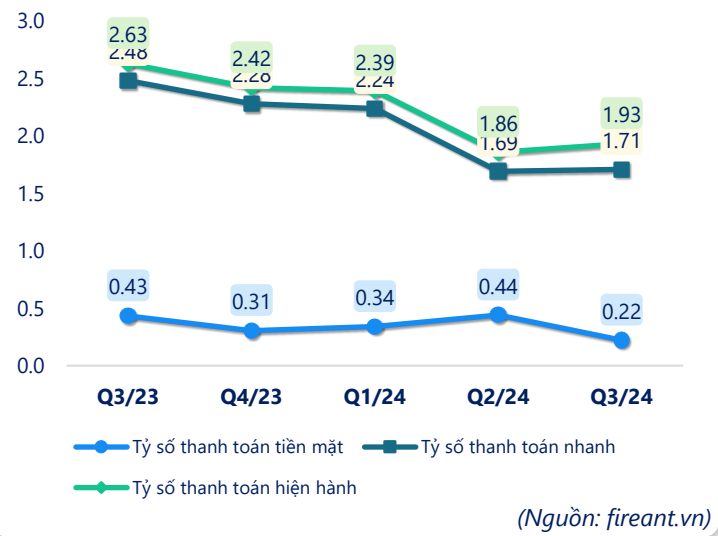

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

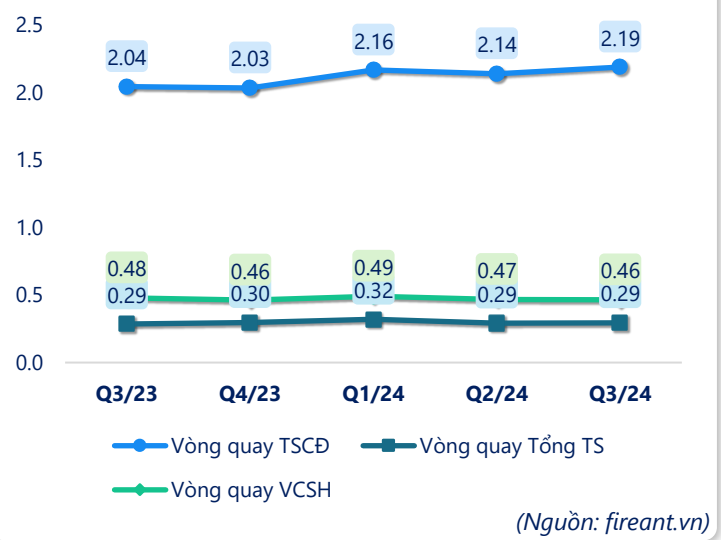

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**4,443**	**4,566**	**4,365**	**4,568**	**4,483**
Tài sản ngắn hạn	**3,319**	**3,430**	**3,098**	**2,806**	**2,716**
Tiền và tương đương tiền	547	433	440	666	311
Đầu tư tài chính ngắn hạn	490	575	510	484	639
Phải thu ngắn hạn	2,039	2,169	1,895	1,363	1,401
Hàng tồn kho	187	198	198	250	316
Tài sản ngắn hạn khác	55.9	55.9	54.3	43.6	48.8
Tài sản dài hạn	**1,124**	**1,136**	**1,267**	**1,762**	**1,767**
Phải thu dài hạn	16.3	36.3	171	664	672
Tài sản cố định	622	612	599	590	580
Bất động sản đầu tư	157	160	159	140	139
Tài sản dở dang	9.10	9.38	7.00	10.1	12.8
Đầu tư tài chính dài hạn	153	153	153	179	181
Tài sản dài hạn khác	66.1	68.3	84.4	88.0	94.8
Lợi thế thương mại	100	97.2	94.0	90.8	87.6
Nợ phải trả	**1,608**	**1,714**	**1,564**	**1,761**	**1,652**
Nợ ngắn hạn	**1,264**	**1,419**	**1,297**	**1,512**	**1,407**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	973	1,099	1,053	1,288	1,068
Phải trả người bán ngắn hạn	0	111	86.9	64.3	157
Nợ dài hạn	345	295	267	248	245
Vay và nợ thuê dài hạn	262	216	187	163	155
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,834**	**2,852**	**2,801**	**2,807**	**2,831**
Vốn chủ sở hữu	**2,834**	**2,852**	**2,801**	**2,807**	**2,831**
Vốn điều lệ	755	755	755	755	755
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)